

Số: /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu học phí từ năm 2026 và năm học 2026-2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Nghị định số 238/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2716/NQ-HĐT ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐU ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Ban chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Ngoại ngữ lần thứ mười hai khóa XX nhiệm kỳ 2025-2030 thông qua mức học phí các khóa đào tạo, các bậc học và hệ đào tạo, áp dụng từ năm 2026 và năm học 2026-2027;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định mức học phí các khóa đào tạo, các bậc học và hệ đào tạo từ năm 2026 và năm học 2026-2027 (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trưởng phòng Quản trị đại học, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo và Người học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy (để b/c);
- Như điều 2;
- Lưu: QTĐH, KHTC, Tu(3).

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Long

PHỤ LỤC ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ TỪ NĂM 2026 VÀ NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNN ngày 30 tháng 01 năm 2026)

Stt	Khóa/Hệ/chương trình đào tạo	Học phí năm 2026 và năm học 2026-2027	Học phí từ năm học 2027-2028
I	Trung học cơ sở	4.000.000/tháng	Lộ trình ĐM KTKT
II	Trung học phổ thông	3.200.000/tháng	Lộ trình ĐM KTKT
III	Đại học chính quy		
3.1	Khóa QH.2022, QH.2023		
3.1.1	Ngôn Ngữ: Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc	3.500.000/tháng	Giữ ổn định toàn khóa theo thông báo tuyển sinh
3.1.2	Ngôn Ngữ: Nga, Ả Rập; Văn hóa và truyền thông xuyên quốc gia; Hệ sư phạm không thụ hưởng chính sách theo ND 116/2020/NĐ-CP	2.310.000/tháng	Tăng hàng năm theo mức độ tăng chỉ số giá tiêu dùng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố
3.2	Khóa QH.2024, QH.2025		
3.2.1	Ngôn Ngữ: Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc	3.800.000/tháng	Giữ ổn định toàn khóa theo thông báo tuyển sinh
3.2.2	Ngôn Ngữ: Nga, Ả Rập; Văn hóa và truyền thông xuyên quốc gia; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Hệ sư phạm không thụ hưởng chính sách theo ND 116/2020/NĐ-CP	2.310.000/tháng	Tăng hàng năm theo mức độ tăng chỉ số giá tiêu dùng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố
3.3	Khóa QH.2026 và các khóa tiếp		
3.3.1	Ngôn Ngữ: Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc	4.200.000/tháng	Lộ trình theo ĐM KTKT (Học phí giữ ổn định cho các khóa đã tuyển)
3.3.2	Ngôn Ngữ: Nga, Ả Rập; Văn hóa và truyền thông xuyên quốc gia; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Chương trình đào tạo hệ chuẩn và Hệ sư phạm không thụ hưởng chính sách theo ND 116/2020/NĐ-CP	3.100.000/tháng	Tăng hàng năm theo mức độ tăng chỉ số giá tiêu dùng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố
3.4	Đào tạo đại học chương trình thứ hai (bằng kép)		
3.4.1	Khóa tuyển sinh từ năm 2022 trở về trước	480.000/tín chỉ	

3.4.2	Khóa tuyển sinh năm 2023, 2024, 2025	650.000/tín chỉ	
3.4.3	Khóa tuyển sinh từ năm 2026	1.100.000/ tín chỉ	Tương đương CTĐT thứ nhất
IV	Đào tạo đại học Vừa làm vừa học		
4.1	Đào tạo tại trường		
4.1.1	Khóa QH.2024, QH.2025	21.780.000/năm	Tăng hàng năm theo mức độ tăng chỉ số giá tiêu dùng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố
4.1.2	Khóa QH.2026 và các khóa tiếp	25.050.000/năm	
4.2	Đào tạo tại các đơn vị ngoài trường	Theo hợp đồng ký kết đảm bảo mức theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	
V	Đào tạo liên kết đại học, sau đại học với đối tác nước ngoài	Theo thỏa thuận ký với đối tác	
VI	Đào tạo sau đại học		
6.1	Thạc sỹ tuyển trước năm 2026	34.700.000/năm	Tăng hàng năm theo mức độ tăng chỉ số giá tiêu dùng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố
6.2	Tiến sỹ tuyển trước năm 2026	48.000.000/năm	
6.3	Thạc sỹ từ năm 2026 trở đi	52.000.000/năm	Tăng hàng năm theo mức độ tăng chỉ số giá tiêu dùng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố
6.4	Tiến sỹ từ năm 2026 trở đi	72.000.000/năm	
VII	Đối với người nước ngoài từ 2026		
7.1	Đại học	42.000.000/năm	Theo mức học phí người học trong nước
7.2	Thạc sỹ	52.000.000/năm	
7.3	Tiến sỹ	72.000.000/năm	

Ghi chú:

- Các hoạt động dịch vụ, các đơn vị xây dựng định mức thu trên cơ sở lấy thu bù chi và thỏa thuận với đối tác.

- Hàng năm căn cứ vào chỉ số tăng giá tiêu dùng Nhà nước công bố nếu có thay đổi về học phí, Trường sẽ ban hành thông báo điều chỉnh và công khai với người học.

- Trong trường hợp Nhà nước có những thay đổi về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, Hiệu trưởng trình Ban chấp hành Đảng bộ để có điều chỉnh phù hợp.